TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:55/2024/DS-PT
Ngày: 10-4-2024
V/v Đòi lại tài sản (quyền sử dụng đất)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương

Các Thẩm phán: Ông Lương Thanh Chín

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2023/TLPT- DS ngày 13/10/2023 về việc "Đòi lại tài sản (quyền sử dụng đất)", do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Đình C, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Đình L, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, Bình Thuận.(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh T, sinh năm 1930

2. Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1934

Cùng địa chỉ: thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Chỗ ở hiện nay: tổ E, khu phố H, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Đ: Ông Huỳnh Đình C, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận. (theo giấy ủy quyền ngày 22/5/2023)(có mặt)

3. Bà Ngô Thị Xuân A, sinh năm 1967. Địa chỉ: thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Nguyên đơn ông Huỳnh Đình C trình bày:**

Ngày 28/5/2020, ông Huỳnh Đình C được cha mẹ là ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 23 và thửa 24, tờ bản đồ 33, thuộc giấy chứng nhận số CP 526366 và CP 526367, đất tọa lạc thôn A, xã B, huyện B. Ngày 16/6/2020 ông C đã đi đăng ký biến động ông là người được quyền sử dụng đất đối với 2 thửa đất số 23 và 24. Sau khi được tiếp nhận quyền sử dụng đất, ông C thấy trên đất vẫn còn chuồng bò tạm của ông Huỳnh Đình L là em ông C trên 2 thửa đất nên yêu cầu ông L tháo dỡ chuồng bò để ông sử dụng đất theo đúng hiện trạng, diện tích đất nhưng ông L không dỡ. Vì vậy, ông yêu cầu ông Huỳnh Đình L tháo dỡ chuồng bò ra khỏi 2 thửa đất 23 và 24, trả lại diện tích đất lấn chiếm làm chuồng bò là 68,34m^2. Sau khi Tòa án thẩm định ngày 03/8/2021, ông C xác định chuồng bò có diện tích theo biên bản thẩm định là (7,6x10)m, tổng diện tích 76m^2 có hiện trạng nền đất, trụ gỗ, mái tol, bao lưới B40 do ông L làm chuồng bò chiếm đất trên hai thửa đất 23 và 24.

*** Bị đơn ông Huỳnh Đình L trình bày**: Thửa đất số 23 và 24 ông Huỳnh Đình C tranh chấp yêu cầu ông tháo dỡ chuồng bò có nguồn gốc mẹ ông là bà Đặng Thị Đ cùng anh trai ông là ông Huỳnh Đình L1 cùng ông là người có công khai hoang đất từ năm 1985. Cha ông L là ông Huỳnh T không có công khai hoang đất. Khi ông L 26 tuổi có vợ theo quê vợ sau đó chuyển khẩu về xã P sinh sống đến nay, đất này mẹ chưa chia lại cho ông và ông Huỳnh Đình L1. Trước khi ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Đình C, đất đã có tranh chấp giữa anh em ông là Huỳnh Đình L1 với cha mẹ là Huỳnh T và Đặng Thị Đ do đất bà Đặng Thị Đ là mẹ ông đã sang nhượng cho bà Nguyễn Lệ T1 và Huỳnh Thị L2 và Nguyễn Minh H mà chưa có sự đồng ý của ông và ông L1 nên ông ngăn cản đối với bà T2 và bà L2 cấp sổ nhưng chỉ đứng sau ông L1 (không trực tiếp), còn ông L1 là người tranh chấp trực tiếp. Tại phiên hòa giải ngày 18/7/2013 không thành. Đối với việc sử dụng đất của ông H thì ông L có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã B. Sau khi hòa giải tranh chấp đất với bà T1, bà L2, ông H, gia đình không họp lại thỏa thuận về đất đã chuyển nhượng cho bà T1, bà L2 và ông H nên ông L cho rằng đất đang tranh chấp do hòa giải không thành nhưng cha mẹ ông được UBND huyện B quyền sử dụng đất là không đúng. Sau khi được công nhận quyền sử dụng đất cha mẹ ông tự ý cho con trai là Huỳnh Đình C mà không được sự đồng ý của ông Huỳnh Đình L do đất tranh chấp với anh em ông cùng cha mẹ chưa giải quyết xong. Trên đất ông L đã làm chuồng bò từ năm 1985 nên ông C khởi kiện yêu cầu tháo dỡ chuồng bò, trả đất, ông không đồng ý. Ủy ban nhân dân huyện B cấp quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ là không đúng quy định vì ông Huỳnh T không có công sức khai hoang đất và không có khẩu tại xã B vào thời điểm khai hoang đất. Sau khi ông T và bà Đ được UBND huyện B cấp quyền sử dụng đất

ông L không biết nên không đồng ý việc cha mẹ tặng cho ông C quyền sử dụng đất thửa 23 và 24 và đề nghị đưa về xã B giải quyết lại.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ trình bày trong quá trình tố tụng:** Nguồn gốc 2 thửa đất số 23 và 24 là đất do vợ chồng ông T, bà Đ khai hoang canh tác sau giải phóng, thời điểm vợ chồng ông khai hoang đất các con còn nhỏ và xã B chưa thành lập. Năm 1986 thành lập xã B nên vợ chồng ông T tách hộ để vợ ở lại nhập khẩu xã B, ông giữ lại khẩu thị trấn C nhưng đất vẫn do vợ chồng ông canh tác sử dụng và sinh sống, ở tại xã B, các con ông lớn tự làm cho bản thân và lập gia đình riêng. Vợ chồng ông tự canh tác đất, khi già khó khăn nên vợ chồng ông có sang nhượng 2 diện tích đất trên cho bà L2 và bà Lệ T1 bằng giấy tay để lấy tiền sinh hoạt nhưng sau đó con ông là Huỳnh Đình L1 tranh chấp với vợ chồng ông và ngăn cản họ sử dụng đất nên họ trả lại đất cho vợ chồng ông và đòi lại tiền do vợ chồng đã nhận tiền sang nhượng đất. Do vợ chồng ông không có tiền trả lại, con ông, bà là ông Huỳnh Đình C cho vợ chồng ông tiền hoàn trả cho bà T1 và bà L2. Việc con ông là Huỳnh Đình L1 tranh chấp đất với cha mẹ, ông khiếu nại ra UBND xã B hòa giải và UBND huyện B, sau khi UBND huyện B khiếu nại nhưng ông L1 không đồng ý và khiếu nại lên UBND tỉnh B. Sau khi được UBND tỉnh B giải quyết và quyết định của UBND tỉnh B thừa nhận đất này vợ chồng ông T và bà Đ là người trực tiếp khai hoang tạo lập từ năm 1978, canh tác sử dụng ổn định liên tục nên được xem xét cấp đất. Sau đó ông L1 không còn tranh chấp diện tích đất này. Ngày 13/7/2018 vợ chồng ông T và bà Đ làm ủy quyền cho con trai là Huỳnh Đình C đăng ký kê khai quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T và bà Đ. Khi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất ông Huỳnh Đình L không tranh chấp nhưng năm 2017 ông L có đưa vật liệu đến hai thửa đất dựng chuồng bò mục đích để chiếm đất. Ông T ủy quyền cho ông C làm đơn báo xã B giải quyết nhưng Huỳnh Đình L không đến xã giải quyết. Sau khi ông T và bà Đ được UBND huyện B cấp quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông căn cứ xác định nguồn gốc đất theo quyết định giải quyết tranh chấp của UBND tỉnh B nên ngày 28/02/2020 vợ chồng ông T và bà Đ được Ủy ban nhân dân huyện B quyền sử dụng đất thửa 23 và thửa 24, tờ bản đồ 33 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 526366 diện tích 331,4m^2 và CP 526367 diện tích 188,8m^2. Sau đó vợ chồng ông T, bà Đ làm hợp đồng tặng cho con là Huỳnh Đình C. Căn cứ theo hợp đồng tặng cho có công chứng tại văn phòng công chứng ngày 28/5/2020.Vì vậy, ông T và bà Đ không đồng ý về trình bày của con là Huỳnh Đình L cho rằng ông bà cho con Huỳnh Đình C quyền sử dụng đất mà chưa có sự đồng ý của ông L và các con, đất còn tranh chấp là không đúng. Vì đất này UBND huyện B cấp quyền sử dụng cho ông bà nên ông bà cho con Huỳnh Đình C và thống nhất việc tặng cho là tự nguyện. Việc ông T và bà Đ đăng ký quyền sử dụng đất và tặng cho đất công khai hợp pháp. Thời điểm cấp

quyền sử dụng đất và cho đất, ông Huỳnh Đình L không có đơn tranh chấp hoặc khởi kiện gì đối với ông T và bà Đ mà chỉ làm chuồng bò trên đất để đó đến nay. Khi ông phát hiện ông L làm chuồng bò chiếm đất ông có làm đơn ra xã B giải quyết nhưng ông L không ký biên bản, sau đó hòa giải tiếp theo ông L không đến và không còn sử dụng chuồng bò.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Xuân A** đã được tống đạt thủ tục xác lập tư cách tham gia tố tụng và thủ tục xét xử nhưng không gởi ý kiến văn bản về việc tranh chấp tháo dỡ chuồng bò do chồng là ông Huỳnh Đình L dựng trên đất ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ hiện nay ông Chiến tranh c yêu cầu tháo dỡ.

***Tại phiên tòa sơ thẩm**:

- Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn ông Huỳnh Đình L phải tháo dỡ chuồng bò diện tích 76m^2 ra khỏi thửa đất 23 và 24, trả lại diện tích đất thuộc hai thửa 23 và 24, tờ bản đồ 33 đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP526366 và CP 526367 cho ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ ngày 28/02/2020, ông T và bà Đ đã tặng cho nguyên đơn ông Huỳnh Đình C theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/5/2020 cập nhật đăng ký ngày 16/6/2020.

- Bị đơn ông Huỳnh Đình Long cung c1 chứng cứ tại phiên tòa là "đơn khiếu nại" ghi ngày 14/7/2023(bản gốc), đơn khiếu nại về đất đai ghi ngày 27/9/2017(photo không công chứng, chứng thực) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 526367 và BS 775745 (phô tô không chứng thực), 01 mặt giấy A4 ghi "hợp đồng ủy quyền" ghi ngày 31/3/2015, 01 mặt giấy A4 có mục 3, 01 tờ giấy A4 có02 mặt ghi lời chứng của công chứng viên ngày 31/3/2015, mặt sau ghi nội dung yêu cầu UBND xã B giải quyết về việc làm chuồng bò của ông L, bà A, cuối nội dung giấy ghi ngày 06/6/2017 có chữ ký ghi tên Đặng Thị Đ (tất cả bản phô tô không chứng thực, công chứng) và trình bày không đồng ý việc tặng cho quyền sử dụng đất của ông T và bà Đ đối với ông Huỳnh Đình C. Bởi tặng cho không có sự đồng ý của ông L, đất này gia đình chưa chia cho các con sau khi mẹ ông được UBND tỉnh B giải quyết tranh chấp khiếu nại của ông Huỳnh Đình L1. Tuy ông không tham gia tranh chấp trực tiếp với cha mẹ, chỉ đứng sau ông L1 nhưng việc gia đình mẹ ông không chia đất cho ông do ông có công khai hoang đất cùng mẹ, ông Huỳnh Đình C không có hộ khẩu tại B, không có công khai hoang đất nhưng được cho đất,việc hòa giải tranh chấp đất ngày 18/7/2013 và 20/3/2014 không thành nhưng ông C được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là không đúng luật đất đai. Ông C cho rằng được cha mẹ tặng cho đất mà không có sự đồng ý của ông L là vi phạm pháp luật đất đai nên không đồng ý trả lại quyền sử dụng đất cho ông C theo khởi kiện. Ông L yêu cầu Hội đồng xét xử chuyển công an giải quyết tranh chấp đất đối với hợp đồng ủy quyền và tặng cho

quyền sử dụng đất của ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ. Đối với chuồng bò ông L cho rằng đã làm chuồng bò trên đất năm 2014 có xin bà Đ và đất làm chuồng bò là đất do ông khai hoang cùng bà Đ nhưng chưa được bà Đ chia đất nên không đồng ý tháo dỡ chuồng bò.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Xuân A: trình bày tại phiên tòa thừa nhận chuồng bò là tài sản chung vợ chồng giữa ông L với bà. Khi gia đình bà làm chuồng bò có xin ông C và mẹ ông C để làm chuồng nên không đồng ý tháo dỡ chuồng bò theo yêu cầu của ông ` đã có công khai hoang đất.

+ Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ : vẫn giữ nguyên ý kiến bác bỏ toàn bộ trình bày của ông L cho rằng việc tặng cho quyền sử dụng đất và việc UBND huyện B cấp quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ là đúng quy định pháp luật đất đai. Bởi, thời điểm tặng cho đất ông L tuy đã dựng chuồng bò vào tháng 6 năm 2017 nhưng được UBND xã B giải quyết theo khiếu nại của mẹ ông và của ông (được cha mẹ ủy quyền) nhưng ông L không đồng ý và không có đơn tranh chấp tại UBND xã B hoặc UBND huyện B hoặc khởi kiện tại Tòa án và chuồng bò đã không còn sử dụng đến khi vợ chồng ông T và bà Đ được cấp giấy chứng nhận, ông L cũng không có đơn tranh chấp hoặc khởi kiện. Ông C không thừa nhận có cho phép ông L, bà A làm chuồng bò trên hai thửa đất 23 và 24. Vì vụ việc phát sinh tranh chấp giữa cha mẹ và các con là Huỳnh Đình L1, Huỳnh Đình L đối với đất cha mẹ sang nhượng cho Nguyễn Lệ T1, bà L2 và ông H kéo dài nhiều năm mới giải quyết được. Đất của cha mẹ chưa cấp sổ nên ông C không cho ông L dựng chuồng bò trên hai thửa đất 23 và 24 trước khi được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà Đ như trình bày của bà A và ông L. Vì vậy, đất ông L và vợ là bà A tự ý làm chuồng bò là đất của cha mẹ ông được quyền canh tác sử dụng hợp pháp, có nguồn gốc do ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ khai hoang từ năm 1978 và trực tiếp sử dụng đất ổn định liên tục, ông Huỳnh Đình L1 là con trong hộ không phải là người trực tiếp khai hoang tạo lập đất và việc quy chủ thửa đất cho bà T1 không đúng thực trạng sử dụng. Như vậy, nguồn gốc đất đã được công nhận tại Quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh B đã chấp nhận đơn đề nghị nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ. Sau khi quyết định này có hiệu lực ông T và bà Đ phải trả lại tiền đã nhận sang nhượng đất cho bà Nguyễn Lệ T1. Do ông bà không có tiền hoàn trả nên con là ông Huỳnh Đình C đã cho ông bà tiền để hoàn trả cho những người trước đây ông bà đã nhận tiền sang nhượng đất. Nhưng sau khi ông bà đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật và đã được UBND huyện B quyền sử dụng đất cho ông bà đối với hai thửa đất số 23 và 24, tờ bản đồ 33 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

CP526366 và CP 526367 cho ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ ngày 28/02/2020, ông bà tặng cho lại con là Huỳnh Đình C 2 thửa đất trên.Việc tặng cho hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định pháp luật. Bởi đất do UBND huyện B cấp quyền sử dụng đất cho ông T và bà Đ, ông Huỳnh Đình L không canh tác trực tiếp trên đất mà đã có gia đình riêng chuyển khẩu về xã P sinh sống sau khi có vợ. Thời gian ông Huỳnh Đình L1 tranh chấp đất với ông T và bà Đ, ông L đã không còn trong hộ khẩu của ông T và bà Đ, đất ông bà trực tiếp khai hoang, canh tác sử dụng đến khi được công nhận quyền sử dụng đất. Ông L không canh tác đất và không có đơn tranh chấp quyền sử dụng đất trước khi UBND huyện B và UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai vào năm 2014. Vì vậy, đại diện của ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ bác bỏ và không đồng ý về trình bày của ông Huỳnh Đình L cũng như của bà Ngô Thị Xuân A trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c, khoản 1 Điều 39;Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165 và Điều 166; Điều Điều 214; khoản 4 Điều 68; khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 95; Điều 99; khoản 3 Điều 100; Điều 105; Điều 166; Điều 167; Điều 168; Điều 169 và Điều 202; Điều 203; Điều 204 Luật đất đai năm 2013.

- Điều 500; Điều 501; Điều 502; Điều 503; Điều 274; Điều 275; Điều 115; Điều 158; Điều 163; Điều 166; Điều 169; Điều 213 và Điều 223 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 29 và Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đình C.

1. Buộc ông Huỳnh Đình L và bà Ngô Thị Xuân A phải tháo dỡ, di dời chuồng bò có diện tích 76m^2 ra khỏi thửa đất số 23 và số thửa đất số 24, tờ bản đồ 33, trả lại diện tích đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 526366 và CP 526367 do ông Huỳnh Đình C được quyền sử dụng theo cập nhật biến động ngày 16/6/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/7/2023, bị đơn ông Huỳnh Đình L kháng cáo, yêu cầu hủy án bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

-Người kháng cáo, bị đơn ông Huỳnh Đình L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Huỳnh Đình C đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Bà Ngô Thị Xuân A thống nhất với ý kiến của ông L đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Đình L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình. Tuy nhiên đề nghị HĐXX điều chỉnh lại phần quan hệ pháp luật có tranh chấp là Đòi lại tài sản (quyền sử dụng đất), điều chỉnh lại phần án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận thấy:

[1] Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Đình L nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được vụ án dân sự được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn ông Huỳnh Đình C khởi kiện và bổ sung tại phiên tòa sơ thẩm yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Huỳnh Đình L tháo dỡ chuồng bò ra khỏi thửa đất và trả lại hai thửa đất số thửa 23 và thửa 24, tờ bản đồ 33, thuộc giấy chứng nhận số CP 526366 và giấy chứng nhận số CP 526367 cấp ngày 28/02/2020, tọa lạc thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Do đó Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình giải quyết tranh chấp đúng thẩm quyền. Việc bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện nên HĐXX cấp sơ thẩm giải quyết là yêu cầu bổ sung là đúng thủ tục.

[3] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Đình L, HĐXX thấy rằng, nguồn gốc các thửa đất tranh chấp: Theo quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết tranh chấp giữa ông Huỳnh Đình L1 với ông Huỳnh Tấn bà Đặng Thị Đ1 công nhận Quyết định số 7781/QĐ-UBND ngày 14/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện B. Quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh B không bị ai khiến kiện nên có hiệu lực pháp luật. Theo đó UBND tỉnh B đã chấp thuận nội dung đơn của vợ chồng bà

Đặng Thị Đ1, ông Huỳnh T đề nghị Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà đối với diện tích là 519,2 m^2 đất đang tranh chấp với ông Huỳnh Đình L1, tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện B; với lý do: *Đất tranh chấp do vợ chồng bà* Đ1, *ông* Tấn t *tạo lập từ năm 1978, sử dụng trồng cây hàng năm liên tục cho đến nay, là phù hợp với quy định tại Điểm c, Khoản 1 và Điểm a, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ*.

Sau đó, khi ông T, bà Đ1 có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử đất, UBND huyện B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử đất số CP526366 đối với thửa đất số 23 và giấy chứng nhận quyền sử đất số CP526367 đối với thửa đất số 24 cho ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ1 ngày 28/02/2020. Ngày 28/5/2020, ông T bà Đ1 tặng cho hai thửa 23 và 24 nêu trên cho ông Huỳnh Đình C. Đến ngày 26/6/2020, ông Huỳnh Đình C được chi nhánh Văn phòng Đ2 cập nhật biến động vào giấy chứng nhận quyền sử đất. Như vậy, trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận cũng như việc tặng cho tài sản là hoàn toàn hợp pháp.

[4] Ông Huỳnh Đình L cho rằng đất này ông có công sức khai phá là không có cơ sở vì thửa đất đã được tạo lập từ 1978, khi đó, ông L mới 10 tuổi. Ông L thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm, thửa đất do là của cha, mẹ ông tạo lập, từ nhỏ ông L sống cùng cha, mẹ các anh, em ông tại thửa đất này nên có công sức khai phá. Như vậy khi chung sống với gia đình, ông L được cha, mẹ nuôi nấng, dạy dỗ thì phải có nghĩa vụ phụ giúp cha, mẹ và anh, em. Việc ông cùng các anh em trong gia đình cùng canh tác trên đất khi còn ở chung với cha, mẹ không phải công khai phá hay công sức tôn tạo nên tài sản. Ông L cho rằng cha, mẹ cho đất ông C phải có sự đồng ý của ông L là xâm phạm đến quyền tự định đoạt của chủ sở hữu. Việc ông L tự ý đến đất làm chuồng bò là hành vi cản trở quyền sử dụng đất của người sử dụng đất. Ngoài lời khai về công sức khai phá, ông L không cung cấp chứng cứ gì chứng minh lời khai của minh.

[5] Từ những căn cứ trên, việc tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đình C. Buộc ông Huỳnh Đình L và bà Ngô Thị Xuân A phải tháo dỡ, di dời chuồng bò có diện tích 76m^2 ra khỏi thửa đất số 23 và số thửa đất số 24, tờ bản đồ 33, trả lại diện tích đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 526366 và CP 526367 do ông Huỳnh Đình C được quyền sử dụng theo cập nhật biến động ngày 16/6/2020 là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Ông Huỳnh Đình L đề nghị hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không có căn cứ, vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Qua xem xét toàn bộ quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm thể hiện tại hồ sơ vụ án, cũng như trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm , HĐXX thấy rằng cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ, đúng trình tự thủ tục nên yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Đình L là không có cơ sở. Ông Huỳnh Đình L kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để

chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận, như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Tuy nhiên HĐXX điều chỉnh lại phần quyết định cũng như phần án phí sơ thẩm để tạo điều kiện thi hành án.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông Huỳnh Đình C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ :** Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Đình L; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

*** Căn cứ:**

- khoản 2, khoản 9 Điều 26, Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 164, Điều 166, khoản 2 Điều 221, Điều 223 Bộ luật dân sự.
- Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.
- Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 .
- Điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đình C như sau:

1. Buộc ông Huỳnh Đình L và bà Ngô Thị Xuân A phải tháo dỡ, di dời chuồng bò có diện tích 76m^2 và toàn bộ tài sản, vật dụng có trong chuồng bò ra khỏi thửa đất số 23 và số thửa đất số 24 thuộc tờ bản đồ số 33, tọa lạc thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận để giao lại hai thửa đất này cho ông Huỳnh Đình C. Hai thửa đất số 23 và số thửa đất số 24 thuộc tờ bản đồ số 33, tọa lạc thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận số CP 526366 và CP 526367 cùng do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/02/2020 cho ông Huỳnh T và bà Đặng Thị Đ1, cập nhật biến động sang tên ông Huỳnh Đình C ngày 16/6/2020.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 03/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình và bản đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 30/8/2021 của Chi Nhánh văn phòng Đ2)

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Ông Huỳnh Đình L và bà Ngô Thị Xuân A phải liên đới hoàn trả lại cho ông Huỳnh Đình C 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Đình L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Huỳnh Đình C đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001068 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Huỳnh Đình L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông Huỳnh Đình L đã nộp theo biên lai thu số 0001278 ngày 10/08/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình; ông Huỳnh Đình L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (10/4/2024).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND h.Bắc Bình;
- VKSND h.Bắc Bình;
- Chi cục THADS h.Bắc Bình;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT-TANDTC
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TDS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Phương